



Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2
- Khối văn phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021



Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 - Khối Văn Phòng

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	13 - 44

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 - Khối Văn Phòng

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 ("Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300420157 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 10 năm 2007, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch TV2 theo Quyết định Số 134/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 22 tháng 4 năm 2019.

Hoạt động chính hiện tại của Công ty là tư vấn nguồn điện, nhiệt điện và thủy điện; tư vấn lưới điện và khảo sát; hoạt động tổng thầu (Engineering, Procurement and Construction, sau đây gọi tắt là "EPC") cho các dự án năng lượng, gia công chế tạo thiết bị nhà máy điện; cung cấp dịch vụ quản lý vận hành thuê nhà máy điện (Operations and Maintenance, sau đây gọi tắt là "O&M"); và đầu tư vào nhà máy điện năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió, năng lượng sinh khối, thủy điện và nhà máy điện chạy khí.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 32, Đường Ngô Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Công ty gồm có các đơn vị:

- ▶ Khối văn phòng bao gồm: Văn phòng chính, Trung tâm Tư vấn Lưới điện, Trung tâm Tư vấn Thủy điện và Năng lượng Tái tạo, Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân và Ban quản lý dự án EPC tọa lạc Số 45, Đường số 2, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- ▶ Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 - Xí nghiệp Khảo sát Tổng hợp Miền Nam tọa lạc tại Số 45, Đường Dân Chủ, Khu phố 2, Phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- ▶ Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 - Xí nghiệp Cơ điện tọa lạc tại Số 45, Đường số 2, Khu phố 8, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- ▶ Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 - Trung tâm Quản lý và Vận hành Nhà máy điện tọa lạc tại Số 45, Đường số 2, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và
- ▶ Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 tại Myanmar tọa lạc tại số 9FL, 192 Kabar Aye Pagoda Road, Bahan Township, Yangon, Myanmar.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Chơn Hùng	Chủ tịch	
Ông Võ Văn Bình	Thành viên	
Ông Trương Khắc Len	Thành viên độc lập	
Bà Phạm Liên Hải	Thành viên	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Mạnh Phát	Thành viên	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Trọng Nam	Thành viên	miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2021
Ông Trần Quang Lâm	Thành viên	miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2021

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 - Khối Văn Phòng

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Văn Bình	Phó Tổng Giám đốc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Tổng Giám Đốc
Ông Nguyễn Trọng Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hải Phú	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Liên Hải	Phó Tổng Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Hồng Khanh	Trưởng Ban	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Trưởng Ban	miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2021
Bà Trần Thị Hòa	Thành viên	
Bà Trần Thị Việt Hà	Thành viên	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Chơn Hùng.

Bà Phạm Liên Hải được Ông Nguyễn Chơn Hùng ủy quyền để ký báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 theo Giấy Ủy quyền có hiệu lực từ ngày 13 tháng 8 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 - Khối Văn Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Khối Văn Phòng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Khối Văn Phòng trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Khối Văn Phòng, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Khối Văn Phòng và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Khối Văn Phòng vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 



Phạm Liên Hải
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 23 tháng 8 năm 2021

Số tham chiếu: 61364104/22746288/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 - Khối Văn Phòng (“Khối Văn Phòng”) được lập ngày 23 tháng 8 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 44, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Khối Văn Phòng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Khối Văn Phòng vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Khối Văn Phòng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính giữa niên độ đó vào ngày 17 tháng 8 năm 2020.

Báo cáo tài chính của Khối Văn Phòng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được doanh nghiệp kiểm toán này kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 25 tháng 3 năm 2021.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Phạm Thị Cẩm Tú
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2266-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 23 tháng 8 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.488.354.192.962	2.532.110.443.894
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	130.579.386.919	278.602.297.389
111	1. Tiền		60.579.386.919	143.643.335.949
112	2. Các khoản tương đương tiền		70.000.000.000	134.958.961.440
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		504.734.492.305	643.700.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	504.734.492.305	643.700.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.605.947.014.623	1.527.401.947.726
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.499.073.383.682	864.108.867.784
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	32.041.727.139	664.106.491.736
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		82.902.073.769	5.156.172.291
136	4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	8	16.856.476.213	11.795.365.129
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(24.926.646.180)	(17.764.949.214)
140	IV. Hàng tồn kho		202.777.594.515	57.712.092.635
141	1. Hàng tồn kho	9	202.777.594.515	57.712.092.635
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		44.315.704.600	24.694.106.144
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	4.653.908.509	3.083.053.151
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	17	39.432.152.604	21.611.052.993
153	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	17	229.643.487	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		777.169.619.018	635.138.673.446
210	I. Khoản phải thu dài hạn		35.942.855.046	37.520.632.786
213	1. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		34.939.115.046	33.840.115.046
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	1.003.740.000	3.680.517.740
220	II. Tài sản cố định		427.697.003.848	321.839.017.239
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	278.997.739.923	168.653.980.026
222	Nguyên giá		358.582.088.311	241.004.925.441
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(79.584.348.388)	(72.350.945.415)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	148.699.263.925	153.185.037.213
228	Nguyên giá		195.118.533.596	195.118.533.596
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(46.419.269.671)	(41.933.496.383)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		7.628.455.729	69.794.146.845
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	7.628.455.729	69.794.146.845
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	298.708.550.600	202.392.848.862
252	1. Đầu tư góp vốn công ty liên kết		280.301.700.000	184.364.250.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		18.406.850.600	18.406.850.600
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	(378.251.738)
260	V. Tài sản dài hạn khác		7.192.753.795	3.592.027.714
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	6.517.470.944	2.916.744.863
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.3	675.282.851	675.282.851
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.265.523.811.980	3.167.249.117.340

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.061.010.297.736	1.999.984.190.884
310	I. Nợ ngắn hạn		1.871.977.926.711	1.542.582.683.947
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	1.418.127.133.688	868.088.757.365
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	110.069.085.604	171.425.110.827
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	24.429.341.762	43.282.786.003
314	4. Phải trả người lao động		124.952.534.675	157.336.860.375
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	38.417.929.238	96.111.740.803
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	47.771.491.368
318	7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		2.225.025.225	1.865.025.225
319	8. Phải trả ngắn hạn khác	19	41.199.603.256	94.814.692.651
320	9. Vay ngắn hạn	20	82.399.750.455	43.325.552.107
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22	30.157.522.808	18.560.667.223
330	II. Nợ dài hạn		189.032.371.025	457.401.506.937
332	1. Người mua trả tiền trước dài hạn	16	2.241.081.250	229.588.158.100
333	2. Chi phí phải trả dài hạn	18	1.740.296.607	1.482.494.554
338	3. Vay dài hạn	20	17.329.235.568	17.329.235.568
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	21	166.987.397.228	208.261.258.343
343	5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		734.360.372	740.360.372

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.204.513.514.244	1.167.264.926.456
410	I. Vốn chủ sở hữu	23.1	1.204.462.988.847	1.167.214.401.059
411	1. Vốn cổ phần		360.149.520.000	360.149.520.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		360.149.520.000	360.149.520.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		4.922.641.050	4.922.641.050
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		12.641.457.169	12.641.457.169
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		460.889.943.139	382.230.283.648
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		365.852.739.289	407.263.844.992
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		265.794.597.004	145.064.980.022
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong kỳ		100.058.142.285	262.198.864.970
422	6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		6.688.200	6.654.200
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		50.525.397	50.525.397
431	1. Nguồn kinh phí		50.525.397	50.525.397
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.265.523.811.980	3.167.249.117.340

Hoàng Thụy Hoài Yến
Người lập

Bùi Thị Ngọc Lý
Kế toán trưởng



Phạm Liên Hải
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.644.355.025.720	1.009.864.764.409
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25, 29	(1.555.072.899.603)	(913.863.233.063)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		89.282.126.117	96.001.531.346
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	35.082.314.812	28.159.237.054
22	5. Chi phí tài chính	26	(5.243.998.482)	(8.818.612.734)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(2.517.544.182)	(1.715.235.885)
25	6. Chi phí bán hàng	27, 29	19.932.927.851	29.614.310.492
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27, 29	(45.935.976.523)	(32.969.243.289)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		93.117.393.775	111.987.222.869
31	9. Thu nhập khác	28	16.408.724.995	224.025.388
32	10. Chi phí khác		(3.773.762)	(2.008.855.390)
40	11. Lợi nhuận (lỗ) khác		16.404.951.233	(1.784.830.002)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		109.522.345.008	110.202.392.867
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(23.948.664.188)	(21.395.040.315)
52	14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	30.1	-	(2.418.977.232)
60	15. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		85.573.680.820	86.388.375.320



Nguyễn Minh Thu
Người lập



Bùi Thị Ngọc Lý
Kế toán trưởng



Phạm Liên Hải
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		109.522.345.008	110.202.392.867
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định ("TSCĐ")		12.897.881.607	11.887.070.713
03	Hoàn nhập dự phòng		(34.490.415.887)	(19.218.402.212)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.234.113.936)	(4.705.889.710)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(31.945.963.604)	(20.931.938.009)
06	Chi phí lãi vay	26	2.517.544.182	1.715.235.885
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		57.267.277.370	78.948.469.534
09	Tăng các khoản phải thu		(85.148.809.699)	(123.998.442.707)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(145.065.501.880)	360.906.612.796
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		12.493.095.403	(100.674.341.368)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(5.171.581.439)	505.128.685
14	Tiền lãi vay đã trả		(2.259.517.364)	(1.460.310.810)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(19.353.882.531)	(8.780.442.766)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(12.208.384.000)	(13.393.620.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(199.447.304.140)	192.053.053.364
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(45.554.441.356)	(81.029.885.186)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		-	22.727.273
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn		(232.034.492.305)	(223.000.000.000)
24	Tiền thu từ đáo hạn tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		371.000.000.000	230.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(95.937.450.000)	(82.404.000.000)
27	Tiền lãi nhận được		14.930.262.156	17.249.034.923
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		12.403.878.495	(139.162.122.990)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	20	334.967.223.760	150.599.452.302
34	Tiền trả nợ gốc vay	20	(295.893.025.412)	(187.304.483.933)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	23.3	(11.088.400)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		39.063.109.948	(36.705.031.631)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(147.980.315.697)	16.185.898.743
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		278.602.297.389	174.158.842.682
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(42.594.773)	(315.122.835)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	130.579.386.919	190.029.618.590

Dương Thị Ngọc Anh
Người lập

Bùi Thị Ngọc Lý
Kế toán trưởng



Phạm Liên Hải
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 8 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300420157 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 10 năm 2007, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch TV2 theo Quyết định Số 134/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 22 tháng 4 năm 2019.

Hoạt động chính hiện tại của Công ty là tư vấn nguồn điện, nhiệt điện và thủy điện; tư vấn lưới điện và khảo sát; hoạt động tổng thầu (Engineering, Procurement and Construction, sau đây gọi tắt là "EPC") cho các dự án năng lượng, gia công chế tạo thiết bị nhà máy điện; cung cấp dịch vụ quản lý vận hành nhà máy điện (Operations and Maintenance, sau đây gọi tắt là "O&M"); và đầu tư vào nhà máy điện năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió, thủy điện, năng lượng sinh khối và nhà máy điện chạy khí.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 32, Đường Ngô Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Công ty có năm (5) đơn vị bao gồm:

- ▶ Khối văn phòng bao gồm Văn phòng chính, Trung tâm Tư vấn Lưới điện, Trung tâm Tư vấn Thủy điện và Năng lượng Tái tạo, Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân và Ban quản lý dự án EPC tọa lạc Số 45, Đường số 2, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- ▶ Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 - Xí nghiệp Khảo sát Tổng hợp Miền Nam tọa lạc tại Số 45, Đường Dân Chủ, Khu phố 2, Phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- ▶ Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 - Xí nghiệp Cơ điện tọa lạc tại Số 45, Đường số 2, Khu phố 8, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- ▶ Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 - Trung tâm Quản lý và Vận hành Nhà máy điện tọa lạc tại Số 45, Đường số 2, Khu phố 8, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và
- ▶ Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 tại Myanmar tọa lạc tại số 9FL, 192 Kabar Aye Pagoda Road, Bahan Township, Yangon, Myanmar.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 1,080 (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 983).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|---|---|--|
| Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Chi phí sản xuất dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được tập hợp theo từng công trình . |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ khi Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu hao do thời gian sử dụng là lâu dài.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Quyền sử dụng đất	39 - 50 năm

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm chi phí xây dựng nhà máy, chi phí lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản liên quan được hoàn thiện và đưa vào sử dụng.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản, cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí bảo hiểm; và
- ▶ Chi phí trả trước khác.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới công việc xây lắp hoàn thành đã cung cấp trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

- ▶ *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- ▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành và được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế giữa niên độ toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Tiền mặt	637.146.915	586.958.006
Tiền gửi ngân hàng	39.942.240.004	143.056.377.943
Tiền đang chuyển	20.000.000.000	-
Các khoản tương đương tiền (*)	70.000.000.000	134.958.961.440
TỔNG CỘNG	130.579.386.919	278.602.297.389

(*) Đây là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc từ một (1) đến ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 2,8% đến 3%/năm.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và kỳ hạn còn lại dưới mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 3,7%/năm đến 5,5%/năm.

Như đã được trình bày tại *Thuyết minh số 20*, Công ty đã sử dụng các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số tiền là 33.000.000.000 VND để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải thu từ các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>)	993.937.930.068	186.189.331.446
Phải thu từ các bên khác	505.135.453.614	677.919.536.338
<i>Công ty Cổ phần Năng Lượng Gio Thành</i>	67.022.698.903	179.120.930.488
<i>Công ty Cổ Phần Seco</i>	61.706.352.416	-
<i>Công ty Cổ Phần Tư vấn Xây dựng</i>		
<i>Công trình Thủy</i>	57.550.375.850	57.550.375.850
<i>Liên danh Sinohydro - Khidi</i>	32.640.093.637	45.213.523.038
<i>Khách hàng khác</i>	286.215.932.808	396.034.706.962
TỔNG CỘNG	1.499.073.383.682	864.108.867.784
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(24.926.646.180)	(17.764.949.214)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.474.146.737.502	846.343.918.570

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Trả trước cho các bên khác	31.953.227.139	664.017.991.736
- Công ty TNHH Siemens Việt Nam	13.067.345.300	13.067.345.300
- Công ty Cổ phần Ứng dụng và Phát triển Công nghệ thông tin	6.038.258.556	-
- Công ty Cổ phần Xây Dựng Bạch Đằng	-	364.782.442.801
- China Energy Engineering Group Shanxi	-	258.472.655.256
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cảng biển Việt Nam	-	2.124.129.888
- Nhà cung cấp khác	12.847.623.283	25.571.418.491
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	88.500.000	88.500.000
TỔNG CỘNG	32.041.727.139	664.106.491.736

8. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ngắn hạn	16.856.476.213	1.795.365.129
Lãi tiền gửi	5.944.146.042	2.802.687.304
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	5.893.312.364	33.025.022
Phải thu liên quan dự án	2.123.347.730	3.513.978.074
Tạm ứng cho nhân viên	2.031.206.680	1.387.555.852
Ký quỹ, ký cược	793.000.000	793.000.000
Khác	71.463.397	3.265.118.877
Dài hạn	1.003.740.000	3.680.517.740
Ký quỹ, ký cược	1.003.740.000	3.680.517.740
TỔNG CỘNG	17.860.216.213	15.475.882.869

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	202.394.382.484	57.362.124.716
- Công trình Nhà máy Điện gió Tân Thuận	176.857.284.785	19.640.712.976
- Công trình Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 mở rộng	961.449.505	4.429.388.000
- Các công trình khác	24.575.648.194	33.292.023.740
Công cụ, dụng cụ	308.196.588	290.835.336
Nguyên vật liệu	75.015.443	59.132.583
TỔNG CỘNG	202.777.594.515	57.712.092.635

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 - Khối Văn Phòng

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	VND
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	104.906.110.681	104.326.790.861	25.366.468.254	6.405.555.645	241.004.925.441
Mua mới trong kỳ	-	223.980.000	1.924.995.454	1.496.056.273	3.645.031.727
Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành (Thuyết minh số 12)	89.268.155.166	-	-	27.832.827.795	117.100.982.961
Điều chuyển tài sản nội bộ	-	-	(3.168.851.818)	-	(3.168.851.818)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	194.174.265.847	104.550.770.861	24.122.611.890	35.734.439.713	358.582.088.311
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	14.377.937.570	4.415.521.879	14.332.336.051	5.994.863.827	39.120.659.327
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	(23.079.348.028)	(23.455.521.443)	(19.733.961.766)	(6.082.114.178)	(72.350.945.415)
Khấu hao trong kỳ	(3.005.021.560)	(5.076.269.471)	(763.808.292)	(1.072.392.454)	(9.917.491.777)
Điều chuyển tài sản nội bộ	-	-	2.684.088.804	-	2.684.088.804
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	(26.084.369.588)	(28.531.790.914)	(17.813.681.254)	(7.154.506.632)	(79.584.348.388)
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	81.826.762.653	80.871.269.418	5.632.506.488	323.441.467	168.653.980.026
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	168.089.896.259	76.018.979.947	6.308.930.636	28.579.933.081	278.997.739.923

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất (*)</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>157.743.240.242</u>	<u>37.375.293.354</u>	<u>195.118.533.596</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	19.774.310.998	19.774.310.998
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	(12.008.504.437)	(29.924.991.946)	(41.933.496.383)
Hao mòn trong kỳ	<u>(1.544.429.316)</u>	<u>(2.941.343.972)</u>	<u>(4.485.773.288)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>(13.552.933.753)</u>	<u>(32.866.335.918)</u>	<u>(46.419.269.671)</u>
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>145.734.735.805</u>	<u>7.450.301.408</u>	<u>153.185.037.213</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>144.190.306.489</u>	<u>4.508.957.436</u>	<u>148.699.263.925</u>

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty đang ghi nhận tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất tại Số 32 Đường Ngô Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà Thành phố theo Hợp đồng Số 02/HĐMBN-QLKQN ký ngày 16 tháng 1 năm 2017. Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính liên quan và đang thực hiện các thủ tục để xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Tòa nhà văn phòng PECC2 Tower - Số 32, Đường Ngô Thời Nhiệm	4.540.001.285	4.540.001.285
Hệ thống Tích Trữ Năng lượng Mái nhà BESS tại Trung tâm thiết kế PECC2	3.084.818.080	-
Trung tâm thiết kế PECC2 - Thành phố Thủ Đức	-	65.250.509.196
Các công trình khác	<u>3.636.364</u>	<u>3.636.364</u>
TỔNG CỘNG	<u>7.628.455.729</u>	<u>69.794.146.845</u>

(*) Chi tiết xây dựng cơ bản dở dang thay đổi trong kỳ như sau:

	VND
	<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	69.794.146.845
Tăng trong kỳ	57.608.386.061
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (<i>Thuyết minh số 10</i>)	(117.100.982.961)
Giảm khác	<u>(2.673.094.216)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>7.628.455.729</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 13.1</i>)	280.301.700.000	184.364.250.000
Đầu tư vào các đơn vị khác (<i>Thuyết minh số 13.2</i>)	<u>18.406.850.600</u>	<u>18.406.850.600</u>
TỔNG CỘNG	298.708.550.600	202.771.100.600
Dự phòng giảm giá trị đầu tư tài chính dài hạn (<i>Thuyết minh số 13.2</i>)	<u>-</u>	<u>(378.251.738)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>298.708.550.600</u>	<u>202.392.848.862</u>

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 - Khối Văn Phòng

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
			Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %	Giá trị gốc (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %	Giá trị gốc (VND)
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo Cà Mau	HG1-23 Khu phố Thương mại và Trung tâm thương mại, Phường 1, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, sản xuất và kinh doanh điện năng	25	176.241.450.000	25	91.554.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Sơn Mỹ	Thôn 1, Xã Sơn Mỹ, Huyện Hàm Tân, Tỉnh Bình Thuận		25	87.410.250.000	25	87.410.250.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Tổ dân phố số 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái		45	16.650.000.000	45	5.400.000.000
TỔNG CỘNG				280.301.700.000		184.364.250.000

13.2 Đầu tư vào đơn vị khác

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021				Ngày 31 tháng 12 năm 2020			
	Giá trị gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	16.750.000.000	40.753.294.820	-	5	16.750.000.000	38.202.462.670	-	5
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	1.656.850.600	2.143.976.840	-	0,45	1.656.850.600	1.278.598.862	(378.251.738)	0,45
TỔNG CỘNG	18.406.850.600	42.897.271.660	-		18.406.850.600	39.481.061.532	(378.251.738)	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ngắn hạn	4.653.908.509	3.083.053.151
Chi phí bảo hiểm	1.787.085.513	864.788.799
Công cụ, dụng cụ	1.180.306.535	776.162.452
Cải tạo văn phòng	608.689.417	-
Khác	1.077.827.044	1.442.101.900
Dài hạn	6.517.470.944	2.916.744.863
Công cụ, dụng cụ	4.536.785.989	1.071.886.538
Khác	1.980.684.955	1.844.858.325
TỔNG CỘNG	11.171.379.453	5.999.798.014

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải trả cho các bên khác	1.417.778.702.541	864.407.534.030
- China Shanxi Electric Power Engineering Co., Ltd	966.336.856.222	-
- Zhejiang Jinko Solar Co., Ltd	203.135.900.594	203.667.951.084
- SunPower Systems Internationa Limited	-	226.054.652.592
- Nhà cung cấp khác	248.305.945.725	434.684.930.354
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	348.431.147	3.681.223.335
TỔNG CỘNG	1.418.127.133.688	868.088.757.365

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ngắn hạn	110.069.085.604	171.425.110.827
Người mua trả tiền trước	101.922.178.563	163.568.203.786
- Doosan Heavy Industries and Construction Co., Ltd	24.316.141.165	24.701.275.069
- Công ty TNHH KC Cottell Việt Nam	20.918.160.000	20.918.160.000
- Công ty TNHH Janakuasa Việt Nam	5.527.093.490	53.393.803.848
- Khách hàng khác	51.160.783.908	64.554.964.869
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 31)	8.146.907.041	7.856.907.041
Dài hạn	2.241.081.250	229.588.158.100
Công ty Cổ phần Thủy điện Mỹ Lý – Nậm Mồ	2.241.081.250	2.241.081.250
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 31)	-	227.347.076.850
TỔNG CỘNG	112.310.166.854	401.013.268.927

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.353.882.531	23.948.664.188	(19.353.882.531)	23.948.664.188
Thuế thu nhập cá nhân	23.632.908.080	33.608.540.806	(56.760.771.312)	480.677.574
Thuế giá trị gia tăng	65.703.072	87.954.926.285	(88.020.629.357)	-
Thuế khác	230.292.320	1.871.030.236	(2.101.322.556)	-
	43.282.786.003	147.383.161.515	(166.236.605.756)	24.429.341.762

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Số phải thu trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	21.611.052.993	18.050.743.098	-	39.661.796.091

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ngắn hạn	38.417.929.238	96.111.740.803
Trích trước chi phí công trình	38.026.038.978	94.753.990.507
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 mở rộng	20.839.187.983	21.110.953.884
Dự án Nhà máy Điện Gió Chính Thắng	9.192.711.949	-
Dự án Nhà máy Điện mặt trời Gio Thành 1 và 2	723.630.233	32.673.469.278
Công trình điện mặt trời áp mái	615.616.641	32.354.305.764
Dự án khác	6.654.892.172	8.615.261.581
Chi phí khác	391.890.260	1.357.750.296
Dài hạn	1.740.296.607	1.482.494.554
Chi phí lãi vay	1.740.296.607	1.482.494.554
TỔNG CỘNG	40.158.225.845	97.594.235.357

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Cổ tức phải trả	36.454.626.000	451.346.000
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1.220.683.804	-
Phải trả liên quan dự án	1.201.500.142	1.201.500.142
Kinh phí Công đoàn	449.914.452	446.991.064
Cán bộ công nhân viên đóng góp đầu tư	-	91.920.000.000
Khác	1.872.878.858	794.855.445
TỔNG CỘNG	<u>41.199.603.256</u>	<u>94.814.692.651</u>

20. VAY

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
Ngắn hạn:				
Vay ngân hàng (<i>Thuyết minh số 20.1</i>)	42.412.590.099	334.967.223.760	(294.980.063.404)	82.399.750.455
Vay nhân viên	912.962.008	-	(912.962.008)	-
Dài hạn:				
Vay nhân viên (<i>Thuyết minh số 20.2</i>)	17.329.235.568	-	-	17.329.235.568
TỔNG CỘNG	<u>60.654.787.675</u>	<u>334.967.223.760</u>	<u>(295.893.025.412)</u>	<u>99.728.986.023</u>

20.1 Vay ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND		(%/ năm)	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2	42.888.149.746	Từ ngày 15 tháng 7 đến ngày 30 tháng 9 năm 2021	4,5	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	39.511.600.709	Từ ngày 20 tháng 7 đến ngày 03 tháng 12 năm 2021	4,4 - 4,7	- Dây chuyền cốt thép tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng 2 - Xí nghiệp Cơ điện; và - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (<i>Thuyết minh số 5</i>)
TỔNG CỘNG	<u>82.399.750.455</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.2 Vay nhân viên

Đây là các khoản vay tín chấp người lao động chịu lãi suất 3%/ năm và thời hạn hoàn trả là năm (5) năm từ ngày giải ngân.

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Dự phòng bảo hành các dự án		
- Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 mở rộng	101.297.852.339	104.117.210.845
- Dự án Nhà máy Điện mặt trời Gio Thành 2	12.959.586.760	33.037.906.714
- Dự án Nhà máy Điện mặt trời Gio Thành 1	12.895.278.700	31.555.683.110
- Dự án Nhà máy Điện gió Tân Thuận	11.827.245.347	45.481.960
- Khác	28.007.434.082	39.504.975.714
TỔNG CỘNG	<u>166.987.397.228</u>	<u>208.261.258.343</u>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải trả:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ngày 1 tháng 1	208.261.258.343	150.899.728.358
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	17.573.642.911	35.990.684.405
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(28.536.132.354)	(57.070.491.754)
Trừ: Sử dụng trong kỳ	(30.311.371.672)	(6.482.040.797)
Ngày 30 tháng 6	<u>166.987.397.228</u>	<u>123.337.880.212</u>

22. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ngày 1 tháng 1	18.560.667.223	13.435.936.614
Trích quỹ (Thuyết minh số 23.1)	26.794.636.497	26.088.564.034
Điều chuyển nội bộ	(2.995.362.912)	(2.835.435.740)
Sử dụng quỹ	(12.202.418.000)	(18.128.397.685)
Ngày 30 tháng 6	<u>30.157.522.808</u>	<u>18.560.667.223</u>

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Khối Văn Phòng

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Tổng cộng
							VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	240.101.180.000	4.922.641.050	12.641.457.169	254.772.613.478	418.640.774.226	6.246.200	931.084.912.123
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	94.430.833.357	-	94.430.833.357
Trích quỹ đầu tư và phát triển	-	-	-	127.457.670.170	(127.457.670.170)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(25.491.534.034)	-	(25.491.534.034)
Giảm khác	-	-	-	-	(578.250.000)	-	(578.250.000)
Tăng khác	-	-	-	-	-	170.000	170.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	240.101.180.000	4.922.641.050	12.641.457.169	382.230.283.648	359.544.153.379	6.416.200	999.446.131.446
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	360.149.520.000	4.922.641.050	12.641.457.169	382.230.283.648	407.263.844.992	6.654.200	1.167.214.401.059
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	100.058.142.285	-	100.058.142.285
Trích quỹ đầu tư và phát triển	-	-	-	78.659.659.491	(78.659.659.491)	-	-
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(36.014.952.000)	-	(36.014.952.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(26.219.886.497)	-	(26.219.886.497)
Giảm khác	-	-	-	-	(574.750.000)	-	(574.750.000)
Tăng khác	-	-	-	-	-	34.000	34.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	360.149.520.000	4.922.641.050	12.641.457.169	460.889.943.139	365.852.739.289	6.688.200	1.204.462.988.847

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021			Ngày 31 tháng 12 năm 2020		
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	%	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	%
	VND					
Tập đoàn Điện Lực Việt Nam Tổ chức	18.484.831	184.848.310.000	51.33	18.484.831	184.848.310.000	51.33
America LLC	100	1.000.000	-	3.816.850	38.168.500.000	10.60
Các cổ đông khác	17.530.021	175.300.210.000	48.67	13.713.271	137.132.710.000	38.07
TỔNG CỘNG	36.014.952	360.149.520.000	100	36.014.952	360.149.520.000	100

23.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Vốn đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ	360.149.520.000	240.101.180.000
Tăng vốn trong kỳ	-	120.048.340.000
Số cuối kỳ	<u>360.149.520.000</u>	<u>360.149.520.000</u>
Cổ tức công bố (*)	36.014.952.000	-
Cổ tức đã trả	11.088.400	-

(*) Công ty đã công bố cổ tức phải trả cho năm 2020 bằng tiền tại mức 10% mệnh giá cổ phiếu phổ thông theo Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường niên 2021 ngày 23 tháng 4 năm 2021.

23.4 Cổ phiếu

	VND	
	Số lượng	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Cổ phiếu đăng ký phát hành Cổ phiếu phổ thông	36.014.952	36.014.952
Cổ phiếu bán ra công chúng Cổ phiếu phổ thông	36.014.952	36.014.952
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	36.014.952	36.014.952

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.634.061.554.997	997.588.688.026
Doanh thu bán điện	10.293.470.723	12.272.249.110
Doanh thu khác	-	3.827.273
TỔNG CỘNG	<u>1.644.355.025.720</u>	<u>1.009.864.764.409</u>
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	1.251.266.425.401	790.061.892.294
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	393.088.600.319	219.802.872.115

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Thu nhập tiền lãi	27.575.451.104	19.597.951.364
Cổ tức được chia	4.370.512.500	912.540.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.136.351.208	7.250.026.318
Khác	-	398.719.372
TỔNG CỘNG	<u>35.082.314.812</u>	<u>28.159.237.054</u>

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	1.544.232.502.075	902.764.695.059
Giá vốn bán điện	10.840.397.528	11.098.538.004
TỔNG CỘNG	<u>1.555.072.899.603</u>	<u>913.863.233.063</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
		VND
Chi phí thanh toán tín dụng chứng từ trả chậm	2.648.370.664	-
Chi phí lãi vay	2.517.544.182	1.715.235.885
Khác	456.335.374	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá	-	7.271.216.767
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(378.251.738)	(167.839.918)
TỔNG CỘNG	5.243.998.482	8.818.612.734

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
		VND
Chi phí bán hàng	(19.932.927.851)	(29.614.310.492)
Hoàn nhập dự phòng bảo hành	(19.932.927.851)	(29.614.310.492)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	45.935.976.523	32.969.243.289
Chi phí nhân công	13.097.716.199	4.553.783.330
Chi phí khấu hao và hao mòn	7.161.696.966	3.326.714.575
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.721.461.525	11.581.869.847
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	5.133.412.802	2.850.332.651
Chi phí vật liệu, đồ dùng quản lý	4.437.874.965	2.401.089.209
Thuế, phí và lệ phí	2.133.955.616	1.008.851.572
Chi phí khác	8.249.858.450	7.246.602.105
TỔNG CỘNG	26.003.048.672	3.354.932.797

28. THU NHẬP KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
		VND
Hoàn nhập dự phòng bảo hành	10.328.070.366	-
Thưởng hoàn thành sớm dịch vụ	6.079.110.718	-
Khác	1.543.911	224.025.388
TỔNG CỘNG	16.408.724.995	224.025.388

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.550.226.117.526	287.847.810.705
Chi phí nhân công	134.283.237.923	241.723.941.859
Chi phí khấu hao và hao mòn	12.640.736.412	11.876.997.045
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.239.831.248	6.556.828.465
Chi phí khác	20.499.424.028	8.340.417.322
TỔNG CỘNG	<u>1.725.889.347.137</u>	<u>556.345.995.396</u>

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.948.664.188	21.395.040.315
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	2.418.977.232
TỔNG CỘNG	<u>23.948.664.188</u>	<u>23.814.017.547</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
		VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	109.522.345.008	110.202.392.867
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	21.904.469.002	22.040.478.573
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Thu nhập từ cổ tức	(874.102.500)	-
Chi phí không được trừ	21.405.393	165.047.367
Thu nhập từ các đơn vị trực thuộc chuyển về	2.896.892.293	1.608.491.607
Chi phí thuế TNDN	23.948.664.188	23.814.017.547

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

30.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Chi phí phải trả	380.206.400	380.206.400	-	1.479.948.767
Dự phòng bảo hành dự án	295.076.451	295.076.451	-	939.028.465
Tài sản thuế hoãn lại	675.282.851	675.282.851		
Thu nhập thuế hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh giữa niên độ			-	2.418.977.232

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong cùng Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("tập đoàn") trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo Cà Mau	Công ty liên kết	Góp vốn Cung cấp dịch vụ	84.687.450.000 1.200.577.921.519	82.404.000.000 -
		Thu nhập tiền lãi (theo điều kiện hợp đồng)	4.407.018.495	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Xi nghiệp Cơ điện	Chi nhánh	Mua dịch vụ Cung cấp dịch vụ	39.124.993.187 12.697.667.295	45.840.455.773 17.280.117.983
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Xi nghiệp Khảo sát	Chi nhánh	Mua dịch vụ	39.761.849.766	33.356.210.753
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Trung tâm Vận hành	Chi nhánh	Mua dịch vụ	18.664.303.910	9.118.143.966
Ban Quản lý Dự án ("QLDA") các công trình điện Miền Trung	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	13.635.115.620	5.044.836.557
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	11.726.711.455	12.272.249.110
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Công ty liên kết	Góp vốn Cung cấp dịch vụ	11.250.000.000 6.914.189.292	5.400.000.000 -
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Sơn Mỹ	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ Nhận cổ tức	- 4.370.512.500	1.514.415.384 912.540.000
Ban QLDA Lưới điện miền Trung	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	1.435.132.168	-
Công ty Truyền tải Điện 4 – TCT Truyền tải điện quốc gia	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	1.327.200.000	400.000.000
Ban QLDA Nhiệt điện 3	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	1.152.064.314	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Công ty Điện lực Thủ Đức	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	1.175.517.652	43.401.242
Ban QLDA các công trình điện Miền Nam	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	634.756.331	10.891.763.468
Ban QLDA Điện 2	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	616.500.000	-
Công ty Thủy điện Trị An	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	299.510.400	-
Công ty Thí Nghiệm Điện Miền Trung	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	254.075.300	2.684.536.000
Ban QLDA Thủy Điện 6	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	236.144.299	-
Công ty Điện lực Sài Gòn	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	121.100.582	33.788.334
Ban QLDA Điện 1	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	108.904.545	-
Công ty Điện lực Phú Thọ	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	60.564.476	305.390.516
CNTCT Điện Lực Miền Nam TNHH - CT Thí Nghiệm Điện Miền Nam	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	44.000.000	-
Ban QLDA các công trình điện Miền Bắc	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	33.055.748	4.520.252.717
Nhà khách bộ năng lượng	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	28.559.090	15.763.636
Công ty Truyền tải Điện 1 - TCT Truyền tải điện quốc gia	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	(128.447.585)	3.162.553.360
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	-	723.181.279.462
Công ty Thủy điện IALY - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	8.334.641.235
CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Ban QLDA Lưới điện TP.HCM	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	1.335.006.074
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận Đa Mi	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	894.232.720
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	-	756.575.326
Ban QLDA Điện lực Miền Nam	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	558.930.069

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh tân - CN TCT Phát điện 3	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	374.515.295
Công ty Viễn thông Điện Lực & CNTT	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	-	195.749.206
Công ty Truyền tải Điện 3 - TCT Truyền tải điện quốc gia	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	140.727.273
Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 2	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	137.341.818
Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện EVNGENCO 3	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	-	49.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Kuốp	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	19.029.769

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo Cà Mau	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	901.256.837.754	-
Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh tân – Chi Nhánh Tổng Công ty Phát điện 3	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	52.293.674.244	70.527.592.803
Ban QLDA các công trình điện Miền Bắc	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	5.431.023.684	20.338.096.437
Ban QLDA Điện 3	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	5.053.453.628	11.001.666.856
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	3.585.504.779	2.006.859.394
Ban QLDA các công trình điện Miền Trung	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	3.419.247.416	11.392.203.200
Ban QLDA các công trình điện Miền Nam	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	2.984.116.126	13.087.144.152
Ban QLDA Điện 1	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	2.685.645.000	23.978.058.000
Công ty Mua bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	2.158.160.893	1.844.547.265

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

			VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (tiếp theo)				
Ban QLDA Điện lực Miền Nam	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	2.151.344.617	8.054.520.525
Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Bà 2	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	2.605.608.221	-
Ban QLDA Nhiệt Điện 3	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	1.647.972.253	2.421.939.378
Công ty Truyền tải điện 4 - TCT Truyền tải điện quốc gia	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	1.532.251.256	1.532.251.256
Công ty Truyền tải điện 1 - TCT Truyền tải điện quốc gia	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	1.184.867.972	2.451.029.666
Công ty Thủy điện Trị An - CN Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	1.041.320.860	3.217.006.582
Ban QLDA Truyền tải điện	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	644.476.740	684.375.695
Ban QLDA Lưới điện TP.HCM	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	621.920.189	1.149.916.560
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	501.518.581	501.518.581
Tổng công ty Phát điện 1	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	448.193.220	448.193.220
Công ty Thủy điện Ialy - CN Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	424.160.000	4.029.950.375
Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 2 - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 2	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	400.661.131	400.661.131
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 - CN Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	384.268.500	384.268.500
Ban QLDA Điện 2	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	322.253.032	-
Ban QLDA Thủy điện 6 - CN Tập đoàn Điện lực Việt nam	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	317.460.939	57.702.210

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (tiếp theo)</i>				
Ban QLDA Lưới điện Hà Nội - TCT Điện lực TP. Hà Nội	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	314.276.386	469.991.832
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	178.370.587	178.370.587
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	171.383.439	171.383.439
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	69.824.052	69.824.052
CN TCT Điện lực TP.HCM - Công ty Lưới điện cao thế TP. HCM	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	68.527.195	68.527.195
Công ty Điện lực An Giang	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	24.205.500	24.205.500
Công ty Điện lực Kiên Giang	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	14.036.017	916.036.017
Công ty Điện lực Đồng Nai	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	1.365.857	1.365.857
Công ty Thủy điện Đồng Nai - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	1.994.025.000
Công ty Phát triển Thủy điện Sê San – Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	1.987.053.541
Công ty Thủy điện Tuyên Quang	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	449.349.940
Công ty Thủy điện Huội Quảng – Bản Chất – Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	349.696.700
			993.937.930.068	186.189.331.446

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

			VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền nam TNHH - Công ty điện Miền Nam	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	<u>88.500.000</u>	<u>88.500.000</u>
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	279.482.830	2.732.677.250
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền nam TNHH - CT Thí Nghiệm	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	48.400.000	-
Công ty Điện lực Thủ Đức	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	20.548.317	-
Công ty Dịch vụ sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO3	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	-	527.162.364
Công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng Điện 4	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	-	237.454.545
Công ty viễn thông và CNTT - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	-	171.994.176
Nhà khách Bộ năng lượng	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	-	11.935.000
			<u>348.431.147</u>	<u>3.681.223.335</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

		VND		
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>				
Ban QLDA Điện Nông thôn Miền Trung	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	7.212.079.015	7.212.079.015
Ban QLDA Phát triển Điện lực Hà Nội	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	480.266.104	480.266.104
Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	290.000.000	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	161.572.159	161.572.159
Công ty Điện lực Bình Dương	Công ty cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	2.989.763	2.989.763
			8.146.907.041	7.856.907.041
<i>Người mua trả tiền trước dài hạn</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng tái tạo Cà Mau	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	-	227.347.076.850
<i>Phải thu nội bộ ngắn hạn</i>				
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Xí nghiệp Cơ điện	Chi nhánh	Cung cấp dịch vụ	65.028.910.055	5.156.172.291
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Xí nghiệp Khảo sát	Chi nhánh	Cung cấp dịch vụ	9.053.174.910	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Trung tâm Vận hành	Chi nhánh	Cung cấp dịch vụ	8.819.988.804	-
			82.902.073.769	5.156.172.291
<i>Phải trả nội bộ ngắn hạn</i>				
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Xí nghiệp Cơ điện	Chi nhánh	Mua dịch vụ	-	28.751.782.364
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Xí nghiệp Khảo sát	Chi nhánh	Mua dịch vụ	-	19.914.573.974
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Trung tâm Vận hành	Chi nhánh	Mua dịch vụ	-	(894.864.970)
			-	47.771.491.368

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ như sau:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Thu nhập của Ban Giám Đốc	1.512.399.286	1.376.990.647
Thu nhập và thù lao Ban kiểm soát	189.909.773	199.419.163
Thù lao Hội Đồng quản trị	90.000.000	90.000.000
TỔNG CỘNG	<u>1.792.309.059</u>	<u>1.666.409.810</u>

32. SỰ KIỆN SAU QUAN TRỌNG TRONG KỲ

Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Tổng Giám đốc/Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.



Hoàng Thụy Hoài Yến
Người lập



Bùi Thị Ngọc Lý
Kế toán trưởng



Phạm Liên Hải
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 8 năm 2021